

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục nghề và mức hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho lao động tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016 - 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 112/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/7/2010 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 và Thông tư liên tịch số 128/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 09/8/2012 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 112/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/7/2010;

Tiếp theo Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt Đề án Đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho lao động tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 15/TTr-SLĐTBXH ngày 15/3/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục nghề và mức hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho lao động tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

Stt	Tên nghề, nhóm nghề	Thời gian hỗ trợ tối đa/khoá học (tháng)	Mức hỗ trợ/khoá học (nghìn đồng)	Mức hỗ trợ người khuyết tật/khoá học (nghìn đồng)
I. Nhóm nghề nông nghiệp				
1	Nuôi cá nước ngọt.	1	500	800
2	Nuôi cá nước lạnh.	1	1.000	1.500
3	Nuôi gia cầm (gà, chim,...).	1	800	1.000
4	Chăn nuôi gia súc (trâu, bò, lợn,...).	1,5	1.500	2.000
5	Trồng dâu nuôi tằm.	2	1.500	2.000

6	Trồng, chăm sóc cây công nghiệp ngắn ngày (mía, đậu tương, đậu phụng, thuốc lá, dâu tằm,...).	1	600	1.000
7	Trồng, chăm sóc cây công nghiệp dài ngày (cao su, cà phê, chè, ca cao, tiêu, điều,...).	3	1.600	2.000
8	Trồng, chăm sóc bảo vệ rừng.	1	400	-
9	Trồng cây ăn quả lâu năm (bơ, mít, ổi, sầu riêng, hồng,...).	1	600	1.000
10	Trồng cây lương thực, thực phẩm (lúa, đậu, ngô, khoai lang,...).	1	600	1.000
11	Trồng ọt ngọt, dâu tây.	2	1.000	1.500
12	Trồng cây dược liệu (diệp hạ châu,...).	1	600	1.000
13	Trồng cây cảnh.	1	600	1.000
14	Trồng rau (atiso, cải, cà rốt,...).	1	600	1.000
15	Trồng nấm.	1,5	1.200	2.000
16	Chế biến nông sản, thực phẩm (sản xuất cà phê bột, trà khô, hồng sấy, khoai sấy,...).	2	1.500	2.500
17	Trồng hoa.	2	1.200	1.500
18	Thú y.	3	1.800	-
19	Bảo vệ thực vật.	3	1.200	-
20	Nuôi cấy mô thực vật.	3	3.000	4.000

II. Nhóm nghề phi nông nghiệp

1	Xoa bóp bấm huyệt.	2	-	1.000
2	Vệ sỹ.	1	600	-
3	Đan mây tre, cói, dây nhựa, bèo,...; kết cườm.	1,5	800	1.500
4	Móc len, dệt len, đan len.	3	1.800	2.500
5	Thêu tay; may công nghiệp; dệt thổ cẩm; cắt may trang phục.	3	2.000	3.000
6	Nề (xây, ốp lát gạch đá).	4	4.000	-
7	Sửa chữa và lắp đặt thiết bị điện, nước.	3	2.000	-
8	Sửa chữa ô tô, máy nông nghiệp, máy kéo.	3	3.000	-
9	Sửa chữa xe máy.	3	2.000	-
10	Sản xuất đồ mộc.	3	3.000	4.000
11	Chế biến lâm sản.	3	1.800	-
12	Gò; hàn; tiện; làm đồng ô tô, xe máy.	3	4.000	-

13	Kỹ thuật chăm sóc tóc; cắt tóc; chăm sóc sắc đẹp.	3	2.000	3.000
14	Nghiep vụ nhà hàng, khách sạn; hướng dẫn viên du lịch.	3	1.500	-
15	Kỹ thuật chế biến món ăn, pha chế đồ uống	3	3.000	-
16	Giúp việc gia đình.	3	2.000	-
17	Lái xe hạng B2 trở lên.	3	4.000	-

Thời gian hỗ trợ tối đa/khóa học nêu trên đối với người khuyết tật được tăng thêm không quá 200 giờ/khóa học.

Điều 2.

1. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn cụ thể quy trình thực hiện, thủ tục quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho lao động tỉnh Lâm Đồng theo quy định.

2. Giao UBND các huyện, thành phố lựa chọn nghề phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, nhu cầu học nghề của lao động để lập kế hoạch và tổ chức dạy nghề trên địa bàn, đảm bảo lao động học xong phải có việc làm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 03/7/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt danh mục nghề và mức hỗ trợ học nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2014 - 2020.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *th*

Nơi nhận:

- Bộ LĐTBXH (Tổng cục Dạy nghề);
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 4;
- Lưu VT, VX₁.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Văn Đa